**BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

**TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, DOANH NGHIỆP**

**(Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51 /2016/NĐ-CP**

**và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ)**

- Tổng số cơ quan, doanh nghiệp được lấy ý kiến: 125 cơ quan, doanh nghiệp, trong đó: 20 Bộ ngành; 63 Sở LĐTBXH; 42 tập đoàn, tổng công ty và doanh nghiệp.

- Tổng số cơ quan, doanh nghiệp có ý kiến góp ý: 102/125, trong đó 34 cơ quan, doanh nghiệp thống nhất hoàn toàn với nội dung dự thảo Tờ trình và Nghị định.

**I. Về dự thảo Tờ trình:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung góp ý** | **Tiếp thu, giải trình ý kiến** |
| 1. | - Bộ Nội vụ đề nghị bổ sung đánh giá kết quả thực hiện thí điểm quản lý tiền lương, tiền thưởng đối với một số tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP ngày 17/02/2020 của Chính phủ | - Dự thảo Nghị định này chỉ nhằm sửa đổi, bổ sung một số bất hợp lý của cơ chế tiền lương hiện hành (tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, số 52/2026/NĐ-CP). Việc đánh giá tổng kết thí điểm cơ chế tiền lương theo Nghị định số 20/2020/NĐ-CP sẽ được thực hiện khi xây dựng Nghị định tiền lương triển khai Nghị quyết số 27-NQ/TW (sau khi cấp có thẩm quyền quyết định thời điểm cải cách). |
| 2. | - Bộ Tư pháp đề nghị: (i) làm rõ cơ sở pháp lý và thẩm quyền ban hành Nghị định; (ii) đánh giá tổng kết quá trình thực hiện Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, số 52/2026/NĐ-CP; (iii) bổ sung cơ sở khi giữ nguyên hệ số tăng thêm không quá 01 lần mức lương cơ bản đối với người quản lý quỹ tài chính ngoài ngân sách; (iv) làm rõ tính đặc thù, sự cần thiết đưa một số đơn vị đặc thù vào Nghị định. | - Đã tiếp thu vào sự cần thiết ban hành Nghị định, cơ sở, thẩm quyền ban hành Nghị định của Chính phủ theo Điều 40 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; Tờ trình đánh giá chung và có báo cáo đánh giá cơ chế tiền lương đối với các doanh nghiệp nhà nước (bao gồm cả doanh nghiệp có vốn góp chi phối của Nhà nước); bổ sung cơ sở giữ nguyên hệ số tăng thêm đối với quỹ tài chính vào điểm b khoản 4 mục III; làm rõ tính chất của một số đơn vị đặc thù tại điểm c khoản 4 mục IV dự thảo Tờ trình (mỗi đơn vị đưa vào nhóm đặc thù đều có thuyết minh cơ sở pháp lý và thực tiễn). |
| 3. | - Ủy ban quản lý vốn nhà nước đề nghị thuyết minh việc bổ sung các yếu tố khách quan loại trừ khi xác định tiền lương | - Đã tiếp thu và bổ sung làm rõ tại khoản 3 mục IV Tờ trình (mỗi nhóm yếu tố khách quan được bổ sung đều có thuyết minh cơ sở pháp lý và thực tiễn). |
| 4. | - Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị rà soát lại Tờ trình theo mẫu và đánh giá tác động của một số quy định trong dự thảo Nghị định | - Đã tiếp thu rà soát lại Tờ trình. Về đánh giá tác động của một số quy định trong dự thảo Nghị định được thể hiện riêng trong Báo cáo đánh giá tác động. |

**II. Về dự thảo Nghị định:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Nội dung góp ý** | **Tiếp thu, giải trình ý kiến** |
| **1. Về khái niệm/thuật ngữ “người quản lý” trong dự thảo Nghị định** | | | |
|  |  | - Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị sửa khái niệm “*người quản lý”* thành “*người quản lý doanh nghiệp”* cho đồng bộ với khái niệm trong Luật Doanh nghiệp. Đồng thời sửa khái niệm “*người quản lý*” trong tên gọi của Nghị định thành “*người quản lý doanh nghiệp”* | - Đề nghị giữ nguyên khái niệm “*người quản lý*” trong dự thảo, vì: (i) khái niệm “*người quản lý doanh nghiệp”* trong Luật Doanh nghiệp được dùng chung cho các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, công ty hợp danh, công ty cổ phần, công ty TNHH 1 thành viên, 2 thành viên…), còn Nghị định này chỉ áp dụng đối với công ty TNHH 1 thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) nếu sử dụng khái niệm “*người quản lý doanh nghiệp”* tại Nghị định này sẽ bị trùng (ví dụ tại tên của Nghị định “*người quản lý doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên….*”). |
| **2.** | **Về thang lương, bảng lương** | | |
| ***2.1.*** | ***Về thang lương, bảng lương của người lao động (khoản 1 Điều 1)*** | | |
| a) | Về thủ tục ban hành | - [[1]](#footnote-1)Đề nghị bỏ quy định doanh nghiệp phải *“lấy ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu”* hoặc sửa *“lấy ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu”* thành “*báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu để theo dõi, giám sát*”. | - Giữ như dự thảo vì, tiền lương là chi phí gắn với hiệu quả sử dụng vốn, đây là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, nên chủ sở hữu cần được biết, quản lý, giám sát. Mặt khác, theo dự thảo thì chủ sở hữu chỉ tham gia ý kiến, chỉ đạo chung, không quyết định thang, bảng lương của người lao động, nên không ảnh hưởng đến quyền tự chủ của doanh nghiệp. |
| - TCT Đầu tư phát triển đường cao tốc đề nghị bỏ quy định doanh nghiệp phải*“tổ chức đối thoại tại nơi làm việc”* khi xây dựng thang, bảng lương. | - Giữ như dự thảo, vì theo khoản 1 Điều 64 Bộ luật Lao động thì thang, bảng lương là một nội dung doanh nghiệp phải tổ chức đối thoại bắt buộc |
| - Tổng Liên đoàn Lao động Việt Namđề nghị sửa *“tổ chức đại diện tập thể lao động”* thành *“tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở”*. | - Tiếp thu sửa lại |
| b) | Về nội dung thang lương, bảng lương | - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước đề nghị quy định mức lương trong thang, bảng lương của người lao động đảm bảo tương quan với người quản lý; TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn đề nghị không vượt quá mức lương của người quản lý, Kiểm soát viên. | - Giữ như dự thảo, vì để doanh nghiệp tự cân đối sẽ phù hợp với tổ chức sản xuất, tổ chức lao động và mặt bằng tiền lương trên thị trường; nếu quy định lương của người lao động tương quan hoặc không vượt mức lương của người quản lý sẽ gây khó khăn cho doanh nghiệp cần phải có mức lương cao để khuyến khích, thu hút những lao động kỹ thuật, chuyên môn giỏi. |
| c) | Nội dung khác | - TCT Lương thực miền Bắc đề nghị bổ sung nguyên tắc xây dựng định mức lao động. | - Giữ như dự thảo, vì Bộ luật Lao động đã giao doanh nghiệp quy định nội dung này, không có cơ sở để quy định tại Nghị định này. |
| ***2.2*** | ***Về bảng lương người quản lý, Kiểm soát viên (khoản 2 Điều 2)*** | | |
| a) | Về thủ tục ban hành, thẩm quyền xếp lương | - [[2]](#footnote-2)Đề nghị bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên phải *có ý kiến thống nhất hoặc chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu*”, vì đây là bảng lương áp dụng cho các chức danh do chủ sở hữu bổ nhiệm. | - Tiếp thu sửa lại “*doanh nghiệp phải báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu chấp thuận*”. |
| - **[[3]](#footnote-3)** Đề nghị bỏ quy định doanh nghiệp phải *“lấy ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu”* về bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên. | - Giữ như dự thảo vì, bảng lương này áp dụng cho các chức danh do chủ sở hữu bổ nhiệm, cần được chủ sở hữu chấp thuận/thống nhất trước khi ban hành. |
| - [[4]](#footnote-4)Đề nghị bổ sung chủ thể ban hành bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên. | - Tiếp thu, giao cho Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty ban hành |
| - [[5]](#footnote-5)Đề nghị rà soát thẩm quyền xếp lương đối với người quản lý, Kiểm soát viên cho phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Luật Doanh nghiệp. | - Giữ như dự thảo, vì theo dự thảo Nghị định thì: (i) tiền lương, tiền thưởng được hưởng của người quản lý, Kiểm soát viên do chủ sở hữu quyết định (quỹ tiền lương, quỹ tiền thưởng, mức lương) gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, mức độ hoàn thành của người quản lý, Kiểm soát viên theo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước, Luật Doanh nghiệp; (ii) còn bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên do doanh nghiệp xây dựng chủ yếu dùng làm cơ sở thực hiện chế độ bảo hiểm, giải quyết các chế độ thôi việc, mất việc... theo quy định của pháp luật lao động, bảo hiểm. (iii) Mặt khác, bảng lương này đã giao cho doanh nghiệp xây dựng, báo cáo chủ sở hữu chấp thuận rồi thì cũng giao cho doanh nghiệp xếp lương cho người quản lý, Kiểm soát viên (chủ sở hữu không nên xếp lương theo bảng lương do doanh nghiệp ban hành). |
|  | - TCT Xi măng Việt Nam đề nghị bỏ quy định công ty phải tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động khi xây dựng bảng lương | - Giữ như dự thảo, vì đây là nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Bộ luật Lao động. |
| b) | Về nội dung bảng lương | - [[6]](#footnote-6) Đề nghị quy định các mức lương trong bảng lương của người quản lý, Kiểm soát viên thấp nhất bằng 50% mức lương cơ bản và tối đa không vượt quá 20 tháng lương cơ sở; [[7]](#footnote-7)Có khống chế tối đa trong bảng lương; [[8]](#footnote-8)Các mức lương không vượt quá mức tiền lương bình quân người quản lý, Kiểm soát viên được hưởng của 3 năm trước liền kề; [[9]](#footnote-9)Các mức lương không vượt quá 60% mức lương cơ bản | - Giữ như dự thảo, vì dự thảo Nghị định đã quy định mức lương trong bảng lương không vượt quá mức lương được hưởng theo năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh, cho nên tùy thuộc vào năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh, có thể cao hơn mức lương cơ bản và thấp nhất bằng 50% mức lương cơ bản. Theo đó, các mức lương trong bảng lương được kiểm soát, nhưng có sự linh hoạt, phù hợp chung với tất cả các doanh nghiệp, tạo sự chủ động cho doanh nghiệp cân đối, quyết định trong khả năng từng năm tài chính. |
| - [[10]](#footnote-10) Đề nghị bỏ khống chế các mức lương trong bảng lương không vượt quá mức tiền lương thực tế được hưởng của năm trước liền kề | Giữ như dự thảo để tránh trường hợp doanh nghiệp xây dựng các mức lương của người quản lý, Kiểm soát viên vượt quá mức tiền lương được hưởng theo năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh. |
| - TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước đề nghị mức lương trong bảng lương là cơ sở để xác định quỹ tiền lương khi công ty lỗ | Giữ như dự thảo, vì quy định chung là mức lương trong bảng lương không vượt quá mức lương được hưởng theo năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh (mức lương được hưởng là trần tối đa để xây dựng bảng lương). Nếu quy định như ý kiến góp ý (bảng lương là cơ sở để xác định mức lương được hưởng) thì mâu thuẫn với quy định trên. |
| **3** | **Về yếu tố khách quan (khoản 2 Điều 1)** | | |
| ***3.1.*** | ***Về điều chỉnh, bổ sung yếu tố khách quan*** | | |
| a) | Các yếu tố từ quy định của Nhà nước | - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp đề nghị bỏ cụm từ *“trực tiếp”* trong các yếu tố khách quan ảnh hưởng từ quy định của Nhà nước | - Giữ như dự thảo, vì nếu bỏ cụm từ *“trực tiếp”* thì việc xác định các chính sách/quy định của Nhà nước tác động gián tiếp đến doanh nghiệp sẽ rất khó khăn, không khả thi. |
| b) | Các yếu tố do công ty thực hiện | - [[11]](#footnote-11) Đề nghị bổ sung cụm từ “*Chính phủ*” vào sau cụm từ “x*ử lý và tái cơ cấu nợ theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ*”; [[12]](#footnote-12) sửa lại *“tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt”* thành *“tăng khấu hao để thu hồi vốn nhanh theo quy định của pháp luật về thuế”;* [[13]](#footnote-13) bổ sung yếu tố khách quan đầu tư theo chỉ định của Chính phủ | - Tiếp thu bổ sung, sửa lại trong dự thảo. |
| - [[14]](#footnote-14) Đề nghị bổ sung yếu tố khách quan do chênh lệch tỷ giá, bù lỗ lũy kế các năm trước. | - Giữ như dự thảo, vì chênh lệch tỷ giá chủ yếu tác động đến doanh nghiệp vay vốn nước ngoài, xuất khẩu (trường hợp này doanh nghiệp này phải chủ động tính toán kỹ hiệu quả). Còn việc bù lỗ lũy kế năm trước thì phải thực hiện theo đúng chế độ hạch toán kế tài chính. |
| - [[15]](#footnote-15) Đề nghị bổ sung yếu tố khách quan đối với doanh nghiệp hoa tiêu bị tác động bởi lượt tàu ra vào giảm mạnh khi các nhà máy lọc hóa dầu tạm ngừng hoạt động để bảo dưỡng. | - Giữ như dự thảo, vì doanh nghiệp hoa tiêu dẫn tất cả các tàu ra vào cảng, không chỉ tàu của nhà máy lọc dầu. Mặt khác, nhà máy lọc dầu tạm ngừng hoạt động để bảo dưỡng định kỳ 3-5 năm và đã có kế hoạch cụ thể. |
| - [[16]](#footnote-16) Đề nghị bổ sung yếu tố khách do giá dầu thế giới; suy giảm sản lượng, trữ lượng; phân bổ chi phí dự án thăm do dầu khí trong nước không thành công; cơ chế xác định thuế thu nhập doanh nghiệp; thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. | - Tiếp thu vào dự thảo Tờ trình và Nghị định yếu tố (i) cơ chế xác định thuế thu nhập doanh nghiệp theo hợp đồng dầu khí, (ii) phân bổ chi phí dự án thăm do dầu khí không thành công. Các yếu tố còn lại chưa có cơ sở pháp lý và thực tiễn để xem xét. |
| - [[17]](#footnote-17) Đề nghị bổ sung yếu tố khách quan phù hợp với doanh nghiệp độc quyền tự nhiên, không vì mục tiêu lợi nhuận. | - Giữ như dự thảo, vì dự thảo đã tách riêng lương của doanh nghiệp không vì mục tiêu lợi nhuận. Đối với doanh nghiệp hoạt động độc quyền (sản phẩm, dịch vụ công ích) thì theo cơ chế lương riêng tại Nghị định số 132/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ và Thông tư số 17/2019/TT-BLĐTBXH ngày 6/11/2019 của Bộ LĐTBXH. |
| c) | Các yếu tố bất khả kháng khác | - [[18]](#footnote-18) Đề nghị sửa đổi “*các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác”* thành *“các nguyên nhân khách quan khác liên quan đến đặc thù sản xuất doanh nghiệp hoặc của ngành, lĩnh vực”; [[19]](#footnote-19)* bổ sung *“nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác được quy định trong Quy chế tài chính của công ty”* | - Giữ như dự thảo, vì các nguyên nhân khách quan bất khả kháng khác đã bao trùm đầy đủ các yếu tố đặc thù của sản xuất/ngành, lĩnh vực, trong/ngoài Quy chế tài chính của doanh nghiệp. |
| - Ủy ban Quản lý vốn nhà nước đề nghị bổ sung nguyên tắc chung để xác định yếu tố khách quan do “*nguyên nhân bất khả kháng khác”*. | - Giữ như dự thảo, vì theo dự thảo thì tất cả các yếu tố khách quan (không chỉ nguyên nhân bất khả kháng khác) tác động đến “trực tiếp” làm tăng/giảm năng suất lao động, lợi nhuận của doanh nghiệp thì đều phải tính toán loại trừ (dựa trên so sánh giữa bị tác động khi có yếu tố khách quan và không có yếu tố khách quan đó). |
| ***3.2*** | ***Thẩm quyền xem xét loại trừ yếu tố khách quan*** | | |
|  |  | - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đề nghị bổ sung thẩm quyền xem xét, chấp thuận yếu tố khách quan | - Giữ như dự thảo, vì tại khoản 4 Điều 9 Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và khoản 4 Điều 9 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP hiện hành đã có nội dung này (giao doanh nghiệp xác định, báo cáo chủ sở hữu rà soát, giám sát và chấp thuận khi phê duyệt tiền lương của người quản lý). |
| **4** | **Về tiền lương của người quản lý (Điều 2)** | | |
| ***4.1*** | ***Về tiền lương của Kiểm soát viên (khoản 3 Điều 2)*** | | |
|  |  | - [[20]](#footnote-20) Đề nghị bổ sung cụm từ “*và đáp ứng tiêu chuẩn của Trưởng ban kiểm soát”* đối với trường hợp công ty chỉ có 1 Kiểm soát viên cho đồng bộ với Điều 103 Luật Doanh nghiệp | - Tiếp thu theo quy định tại Điều 103 Luật Doanh nghiệp |
| ***4.2*** | ***Về mức lương cơ bản (phụ lục)*** | | |
|  |  | - [[21]](#footnote-21) Đề nghị điều chỉnh tăng mức lương cơ bản vì các mức lương này đã được duy trì từ năm 2013 đến nay | - Giữ như dự thảo, vì theo cơ chế hiện hành thì tiền lương của người quản lý được hình thành từ 02 thông số (i) mức lương cơ bản và (ii) hệ số tăng thêm. Việc điều chỉnh tiền lương của người quản lý có thể điều chỉnh một trong hai hoặc cả hai thông số trên. Mức lương cơ bản tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP thực chất được quy định từ năm 2013, cho nên cần thiết xem xét điều chỉnh. Tuy nhiên, theo Đề án cải cách tiền lương trình Trung ương ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW sẽ quy định mức lương cơ bản có tính cạnh tranh so với mặt bằng thị trường. Trong điều kiện chưa cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW thì chỉ nên chọn phương án điều chỉnh hệ số tăng thêm, giữ mức lương cơ bản để vừa nâng trần tiền lương cho người quản lý, vừa tạo đồng bộ với cơ chế tiền lương hiện hành đối với công ty cổ phần chi phối tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP (nếu điều chỉnh mức lương cơ bản tại Nghị định này mà không điều chỉnh mức lương cơ bản đối với công ty cổ phần chi phối sẽ tạo mâu thuẫn mới trong cơ chế lương của doanh nghiệp nhà nước). |
| ***4.3*** | ***Hệ số tăng thêm tiền lương (khoản 4, điều 2)*** | | |
| a) | Hệ số tăng thêm | - [[22]](#footnote-22) Đề nghị bỏ hệ số tăng thêm 0,7 lần mức lương cơ bản (chỉ quy định 5 mức 0,5; 1,0; 1,5; 2,0; 2,5 cho tương đồng với công ty có cổ phần, vốn góp chi phối). | - Tiếp thu trong dự thảo Nghị định (bỏ hệ số 0,7) |
| - [[23]](#footnote-23) Đề nghị bổ sung hệ số tăng thêm tiền lương cao hơn hệ số tối đa đối với doanh nghiệp có quy mô lợi nhuận lớn hơn nhiều so với giới hạn quy định để khuyến khích người quản lý; [[24]](#footnote-24) bổ sung hệ số tăng thêm (3,0; 3,5; 4,0; 4,5; 5,0 lần) đối với doanh nghiệp có lợi nhuận cao hơn mức lợi nhuận cao nhất. | - Tiếp thu trong dự thảo Nghị định (điểm b, khoản 4 Điều 2) theo hướng quy định điều kiện (vai trò, hiệu quả lợi nhuận cao hơn trên 3 lần tiêu chuẩn chung, so sánh mức lương trên thị trường…) và giao cho chủ sở hữu xem xét, quyết định mức cụ thể (chi tiết đã báo cáo trong Tờ trình Chính phủ). |
| - TCT Thương mại Sài Gòn đề nghị nâng hệ số tăng thêm cao hơn công ty cổ phần chi phối | - Giữ như dự thảo cho đồng bộ với quy định hiện hành tại Nghị định số 53/2016/NĐ-CP đối với công ty cổ phần chi phối. |
| - [[25]](#footnote-25) Đề nghị chia nhỏ hệ số tiền lương tăng thêm (mức 0,1; 0,2,…lần) và quy định công thức tính hệ số tiền lương tăng thêm; [[26]](#footnote-26) nâng hệ số tăng 0,7 lần thành 0,8 để khuyến khích doanh nghiệp | - Giữ như dự thảo. Chính phủ quy định mức trần tối đa tương ứng với các khung lợi nhuận, còn mức cụ thể thì giao quyền chủ động cho doanh nghiệp và chủ sở hữu quyết định cho phù hợp. |
| b) | Nhóm ngành/lĩnh vực | - [[27]](#footnote-27) Đề nghị bổ sung lĩnh vực *“chứng khoán”* vào nhóm 3, vì đây là lĩnh vực rất đặc thù. | - Tiếp thu bổ sung vào nhóm 3 trong dự thảo Nghị định *“Tổ chức giao dịch thị trường chứng khoán”* |
| - Ngân hàng Chính sách xã hội đề nghị tách riêng lĩnh vực Ngân hàng Chính sách xã hội, do hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận | - Giữ như dự thảo, vì đã có quy định riêng đối với doanh nghiệp không vì mục tiêu lợi nhuận thì thay chỉ tiêu lợi nhuận bằng chênh lệch thu trừ chi |
| c) | Cơ chế áp dụng hệ số tăng thêm | - [[28]](#footnote-28) Đề nghị tách riêng doanh nghiệp hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận khi áp dụng hệ số tăng thêm | - Tiếp thu bổ sung vào khoản 6 Điều 2 dự thảo |
| - [[29]](#footnote-29) Đề nghị giảm khung lợi nhuận áp dụng hệ số tăng thêm 0,5 - 1,0; [[30]](#footnote-30) giảm khung lợi nhuận áp dụng hệ số tăng thêm 2,5 lần đối với lĩnh vực tài chính, ngân hàng | - Giữ như dự thảo, vì không hạ tiêu chuẩn hiện hành để tăng lương. Việc mở rộng hệ số tăng thêm chủ yếu để khuyến khích doanh nghiệp có quy mô lớn, phấn đấu tăng hiệu quả để tăng lương. |
| - TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn đề nghị doanh nghiệp có lợi nhuận cao hơn khung, khi áp dụng hệ số tăng thêm từ 1,5 - 2,5 thì không phải so sánh lợi nhuận kế hoạch với thực hiện năm trước liền kề | - Giữ như dự thảo, vì nguyên tắc chung xuyên suốt trong cơ chế tiền lương là phải so sánh tiền lương, hiệu quả với kỳ trước (kế hoạch so với thực hiện năm trước, thực hiện so với kế hoạch). |
| - Bộ Quốc phòng đề nghị quy định (i) mức tăng lương không vượt quá mức tăng lợi nhuận; (ii) tiền lương khi doanh nghiệp có lợi nhuận không thấp hơn năm trước nhưng tiền lương thấp hơn năm trước | - Giữ như dự thảo. (i) Nguyên tắc chung xác định tiền lương của người quản lý gắn với hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý điều hành đã được quy định tại khoản 1, Điều 4 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP. Việc xác định tiền lương cụ thể gắn với quy mô lợi nhuận, mức tăng lợi nhuận đã được quy định tại Điều 2 dự thảo Nghị định này (theo đó tiền lương vừa phải dựa trên quy mô lợi nhuận, vừa dựa trên mức tăng lợi nhuận). (ii) nội dung này đã quy định tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và tiếp tục kế thừa tại điểm đ, khoản 4 Điều 2 Nghị định này |
| - [[31]](#footnote-31) Đề nghị bỏ khống chế mức 70% hệ số tăng thêm đối với công ty có lợi nhuận kế hoạch thấp hơn thực hiện của năm trước (thay vào đó bằng hệ số tăng thêm nhân tỷ lệ lợi nhuận kế hoạch/thực hiện năm trước) | - Giữ như dự thảo, để phân biệt rõ tiền lương ở doanh nghiệp có lợi nhuận kế hoạch cao hơn năm trước và doanh nghiệp có lợi nhuận kế hoạch bằng/thấp hơn năm trước. Nếu sửa theo ý kiến góp ý thì tiền lương của người quản lý doanh nghiệp có lợi nhuận kế hoạch cao hơn năm trước sẽ bằng với doanh nghiệp có lợi nhuận kế hoạch bằng năm trước. |
| - [[32]](#footnote-32) Đề nghị bổ sung quy định công ty lỗ hoặc không có lợi nhuận thì tiền lương của người quản lý bằng mức lương trong bảng lương do công ty xây dựng | - Giữ như dự thảo (tại nội dung về bảng lương của người quản lý đã nêu lý do cụ thể). |
| - [[33]](#footnote-33) Đề nghị bổ sung hướng dẫn tiền lương khi doanh nghiệp có lợi nhuận tăng, nhưng năng suất giảm | - Giữ như dự thảo, vì nội dung này đã được hướng dẫn cụ thể tại Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ LĐTBXH. |
| - Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị quy định cụ thể cách xác định tiền lương đối với công ty giảm lỗ hoặc mới thành lập | - Giữ như dự thảo, vì tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP và tiếp tục kế thừa tại điểm đ, khoản 4 Điều 2 Nghị định này giao cho doanh nghiệp và chủ sở hữu xác định mức tiền lương cụ thể bảo đảm tương quan chung (Chính phủ không thể quy định cụ thể mức giảm lỗ bao nhiêu thì tiền lương được hưởng bao nhiêu). |
| ***4.4*** | ***Về xếp hạng doanh nghiệp (khoản 8 Điều 2)*** | | |
| a) | Tiêu chuẩn | **-** [[34]](#footnote-34) Đề nghị giảm chỉ tiêu vốn lệ khi xếp hạng tổng công ty đối với doanh nghiệp nông nghiệp;[[35]](#footnote-35) bỏ chỉ tiêu đơn vị thành viên khi xếp hạng tổng công ty; [[36]](#footnote-36) bổ sung công ty mẹ có vốn từ 500 tỷ đồng trở lên được xếp hạng Tổng công ty; [[37]](#footnote-37) bổ sung tiêu chuẩn xếp hạng riêng đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng, Nhà máy in tiền;[[38]](#footnote-38) quy định tiêu chuẩn xếp hạng mới đối với công ty hạng I, II, III. | - Giữ như dự thảo vì: (i) Tiêu chuẩn xếp hạng trong dự thảo Nghị định được kế thừa tiêu chuẩn tại Phụ lục I của Nghị định số 52/2016/NĐ-CP (được bãi bỏ khi Nghị định này được ban hành), chỉ bỏ chỉ tiêu về số lao động và điều chỉnh chỉ tiêu nộp ngân sách theo quy định (thay vì yêu cầu 100 tỷ đồng, 200 tỷ đồng). Trong đó chỉ tiêu về vốn được căn cứ quy định của pháp luật trước đây tại Nghị định số 69/2014/NĐ-CP của Chính phủ về tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty nhà nước thì vốn điều lệ của công ty mẹ Tổng công ty không thấp hơn 1.800 tỷ đồng; (ii) theo định hướng chung khi thực hiện cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW sẽ thiết kế tiền lương của người quản lý gắn với quy mô lợi nhuận, hiệu quả sử dụng vốn, không cần thiết phải xếp hạng doanh nghiệp như hiện nay. Vì vậy, trước mắt đề nghị giữ như hiện hành để tránh xáo trộn trong quá trình thực hiện. |
| b) | Xếp lại hạng | - [[39]](#footnote-39) Đề nghịbổ sung doanh nghiệp đang được vận dụng xếp hạng Tổng công đặc biệt, Tổng công ty thì tiếp tục được vận dụng xếp hạng, không phải xếp lại hạng. | - Giữ như dự thảo. Dự thảo Nghị định được kế thừa quy định hiện hành duy trì từ năm 2004 đến nay, theo đó chỉ có tập đoàn kinh tế, tổng công ty đang xếp lương theo hạng tổng công ty thì không phải xếp lại hạng. Các trường hợp còn lại sau 03 năm phải xét, định lại hạng nhằm tránh trường hợp doanh nghiệp cơ cấu lại giảm quy mô, hiệu quả thấp mà vẫn xếp hạng, hưởng lương ở hạng cao hơn khả năng được hưởng. |
| **5** | **Về hiệu lực thi hành** | | |
|  |  | - Bộ Tư pháp đề nghị nêu rõ “các nguyên tắc” tại khoản 4 Điều 4 | - Tiếp thu bỏ cụm từ “các nguyên tắc” |
| - [[40]](#footnote-40) Đề nghị bổ sung Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam vào các đơn vị đặc thù tại khoản 4 Điều 3 | - Tiếp thu bổ sung vào khoản 4 Điều 3 dự thảo Nghị định (bao gồm các đơn vị đặc thù đang được quy định tại khoản 6 Điều 10 của Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, khoản 6 Điều 10 Nghị định số 52/2016/NĐ-CP). |
| - Công ty Mua bán nợ Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đề nghị bổ sung Công ty, Tập đoàn vào nhóm đơn vị đặc thù để Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn riêng. | - Giữ như dự thảo, vì tại Điều 30 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27/10/2020 Chính phủ đã giao Bộ LĐTBXH có hướng dẫn tiền lương phù hợp với đặc thù của Công ty Mua bán nợ Việt Nam (để bảo đảm tính đồng bộ chung, Bộ sẽ có Thông tư hướng dẫn sau khi Nghị định này được ban hành). Đối với Tập đoàn Dầu khí, dự thảo nghị định đã bổ sung một số yếu tố khách quan, đặc thù khi xác định tiền lương như tham gia thực hiện nhiệm vụ an ninh quốc phòng, phân bổ chi phí các dự án tìm kiếm, thăm dò dầu khí không thành công...v.v. |
| - Bộ Quốc phòng đề nghị người quản lý doanh nghiệp Quốc phòng tiếp tục xếp lương theo Nghị định 204/2004/NĐ-CP và Nghị định số 19/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Ngân hàng nông nghiệp đề nghị bổ sung chuyển tiếp đối với doanh nghiệp chưa kịp xây dựng bảng lương của người quản lý. | - Tiếp thu và bổ sung vào điều khoản chuyển tiếp tại Điều 4 dự thảo Nghị định. Trường hợp doanh nghiệp chưa kịp xây dựng bảng lương của người quản lý thì tiếp tục xếp lương người quản lý theo mức lương hiện giữ. |
| 6 | **Một số nội dung khác** | | |
| a) | Về xác định tiền lương, tiền thưởng | - [[41]](#footnote-41) Đề nghị bổ sung xác định tiền lương của người quản lý theo tỷ suất lợi nhuận trên vốn; [[42]](#footnote-42) giao khoán đơn giá tiền lương dựa trên 3 năm trước liền kề; bổ sung quỹ thưởng từ lợi nhuận. | - Giữ như dự thảo. Các nội dung góp ý này sẽ được nghiên cứu khi cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27/NQ-TW. |
| b) | Về thời hạn báo cáo tiền lương | **-** [[43]](#footnote-43) Đề nghị điều chỉnh thời hạn báo cáo chủ sở hữu phê duyệt quỹ lương từ quý I hàng năm sang quý II; [[44]](#footnote-44) trong vòng 1 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo tài chính hoặc chủ sở hữu giao chỉ tiêu đánh giá xếp loại doanh nghiệp. | - Giữ như quy định hiện hành tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP, số 52/2016/NĐ-CP (quý I hằng năm), vì tiền lương là một yếu tố động lực cho lao động, nếu kế hoạch tiền lương được ban hành/phê duyệt chậm thì không có ý nghĩa nhiều để điều hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, cũng như không tạo sự chủ động trong trả lương cho người lao động. |
| c) | Về thẩm quyền trả lương cho Kiểm soát viên | [[45]](#footnote-45) Đề nghị giao cho công ty trực tiếp chi trả tiền lương, thù lao cho Kiểm soát viên (bỏ quy định chủ sở hữu chi trả tiền lương, thù lao cho Kiểm soát viên). | - Giữ như quy định hiện hành tại Nghị định số 52/2016/NĐ-CP (tiền lương của Kiểm soát viên, doanh nghiệp phải nộp về cho chủ sở hữu để đánh giá, quyết định mức được hưởng của Kiểm soát viên theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ do chủ sở hữu giao). Quy định này được căn cứ điểm b khoản 3 Điều 45 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. |

1. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Giao thông vận tải, Sở LĐTBXH: Kon Tum, Yên Bái, Cao Bằng, Tuyên Quang, Cần Thơ, TĐ Dầu khí Việt Nam, TĐ Điện lực Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, TCT Lương thực miền Bắc, TCT Thăm dò khai thác dầu khí, TCT Xi măng Việt Nam, TCT Tân Cảng Sài Gòn, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc [↑](#footnote-ref-1)
2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Quốc phòng, Sở LĐTBXH Bình Thuận. [↑](#footnote-ref-2)
3. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở LĐTBXH Cao Bằng, Tuyên Quang, TĐ Dầu khí Việt Nam, TCT Thăm dò khai thác dầu khí. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Sở LĐTBXH Bình Phước, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, TCT Xi măng Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng [↑](#footnote-ref-4)
5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Sở LĐTBXH Bình Thuận, Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng [↑](#footnote-ref-5)
6. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, TĐ Điện lực Việt Nam, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, TCT Cà phê Việt Nam, Sở LĐTBXH Đồng Tháp [↑](#footnote-ref-6)
7. Bộ Quốc phòng [↑](#footnote-ref-7)
8. TCT Thương mại Sài Gòn [↑](#footnote-ref-8)
9. TCT Cà phê Việt Nam [↑](#footnote-ref-9)
10. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, TCT Lương thực miền Bắc [↑](#footnote-ref-10)
11. Bộ Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-11)
12. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp [↑](#footnote-ref-12)
13. TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước [↑](#footnote-ref-13)
14. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, TCT Đầu tư phát triển đường cao tốc [↑](#footnote-ref-14)
15. Bộ Giao thông vận tải [↑](#footnote-ref-15)
16. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, TCT Thăm dò khai thác dầu khí [↑](#footnote-ref-16)
17. Nhà máy in tiền quốc gia, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc [↑](#footnote-ref-17)
18. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [↑](#footnote-ref-18)
19. TĐ Điện lực Việt Nam [↑](#footnote-ref-19)
20. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Hóa chất Việt Nam, Sở LĐTBXH Phú Thọ [↑](#footnote-ref-20)
21. Bộ Giao thông vận tải, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở LĐTBXH Bình Phước, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc, TCT Công nghiệp Sài Gòn, TCT Thuốc lá Việt Nam [↑](#footnote-ref-21)
22. TCT Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước, Công ty Mua bán nợ Việt Nam, TCT Lưu ký và Bù trừ chứng khoán [↑](#footnote-ref-22)
23. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, TĐ Bưu chính Viễn thông, TĐ Hóa chất Việt Nam [↑](#footnote-ref-23)
24. TCT Tân cảng Sài Gòn, TCT Thương mại Sài Gòn [↑](#footnote-ref-24)
25. Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Sở LĐTBXH TP Hồ Chí Minh, TCT Thuốc lá Việt Nam [↑](#footnote-ref-25)
26. Bộ Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-26)
27. Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh [↑](#footnote-ref-27)
28. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội [↑](#footnote-ref-28)
29. TCT Công nghiệp Sài Gòn, Công ty Mua bán nợ Việt Nam, Sở LĐTBXH Bình Thuận [↑](#footnote-ref-29)
30. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam [↑](#footnote-ref-30)
31. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, TĐ Điện lực Việt Nam, TĐ Hóa chất Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lương thực miền Bắc [↑](#footnote-ref-31)
32. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, TĐ Hóa chất Việt Nam, TCT Lương thực miền Bắc [↑](#footnote-ref-32)
33. Bộ Giao thông vận tải, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam [↑](#footnote-ref-33)
34. TCT Cà phê Việt Nam [↑](#footnote-ref-34)
35. Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng [↑](#footnote-ref-35)
36. Bộ Giáo dục và Đào tạo [↑](#footnote-ref-36)
37. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Nhà máy in tiền quốc gia [↑](#footnote-ref-37)
38. Bộ Công Thương, Sở LĐTBXH Thanh Hóa, Sở LĐTBXH Bình Thuận [↑](#footnote-ref-38)
39. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, TCT Thuốc lá Việt Nam, TCT Lương thực miền Bắc [↑](#footnote-ref-39)
40. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng [↑](#footnote-ref-40)
41. Bộ Quốc phòng [↑](#footnote-ref-41)
42. TCT Tân Cảng Sài Gòn [↑](#footnote-ref-42)
43. Bộ Công Thương, TCT Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc [↑](#footnote-ref-43)
44. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam [↑](#footnote-ref-44)
45. Sở LĐTBXH Gia Lai, Sở LĐTBXH Kon Tum [↑](#footnote-ref-45)